

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 99/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 10- 2024

V/v: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Giang;

Ông Đoàn Trung Tuyển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hồng Chuyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 212/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm A (Xóm B Q, xã G cũ), thị trấn G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm A (Xóm B Q, xã G cũ), thị trấn G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- Người làm chứng: bà Mai Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm A, Thị trấn G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã G (nay là UBND thị trấn G) cấp Giấy chứng nhận kết hôn

vào ngày 03- 11- 2009. Sau đó, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, không tôn trọng nhau, đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành và đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Trần Văn C, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh Trần Văn C.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 04- 5- 2012 và Trần Phúc Đ, sinh ngày 07- 7- 2020. Khi ly hôn chị nhận nuôi 02 con chung.

Về tài sản: Chị không đề nghị giải quyết.

Đối với anh Trần Văn C: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C nhưng anh C không trình bày quan điểm và không đến Tòa án để làm việc.

Theo lời khai của người làm chứng bà Mai Thị T1 là mẹ của bị đơn trình bày: Anh Trần Văn C và Nguyễn Thị T kết hôn vào năm 2009, anh C và chị T khoảng 05 năm gần đây phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, không có tiếng nói chung và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nay chị T đề nghị ly hôn anh C, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh C và chị T có 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 04- 5- 2012 và Trần Phúc Đ, sinh ngày 07- 7- 2020 hiện do chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại thị trấn G, huyện G: Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, nuôi con chung phù hợp với lời trình bày của các đương sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C; căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con chung Trần Khánh L, sinh ngày 04- 5- 2012 và Trần Phúc Đ, sinh ngày 07- 7- 2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Văn C được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C kết hôn hợp

pháp. Cuộc sống vợ chồng của chị T và anh C không có hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân trong nhiều năm, anh C không đến Tòa án để làm việc. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Xác định chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C có 02 con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 04- 5- 2012 và Trần Phúc Đ, sinh ngày 07- 7- 2020, hiện con đang sống cùng chị T. Căn cứ vào điều kiện nuôi con và nguyện vọng của đương sự, kết quả thu thập chứng cứ, thấy có đủ cơ sở giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Anh Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[5] Các đương sự đều vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn C.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là Trần Khánh L, sinh ngày 04- 5- 2012 và Trần Phúc Đ, sinh ngày 07- 7- 2020. Anh Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004745 ngày 04- 10- 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự: 02 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- UBND thị trấn Giao Thủy: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản.

Vũ Ngọc Duyên